

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 02-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/TLS-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lưu Văn D, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1996, tại Hải Phòng. ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H và bà Đoàn Thị Đ; vợ Đỗ Thị L, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 9 năm 2018; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thị trấn B, Y, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Phan Thị B, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn , xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện hợp pháp của chị B: Anh Nông Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn , xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần vận tải biển H; địa chỉ: Số 6 Nguyễn Bình K, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1965, nơi cư trú: Số 30A 19 Khu công nghiệp A, phường A, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 10/2019/UQ - HA ngày 05 tháng 3 năm 2019). Vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Hà Văn L, chị Hoàng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 01 năm 2018, Lưu Văn D điều khiển xe ô tô taxi nhãn hiệu KIA BKS 15A-241.53 (của Công ty Cổ phần vận tải biển H), có giấy phép lái xe theo quy định, đi từ xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng về chi nhánh của Công ty Cổ phần vận tải biển H tại đường 351, thôn Q, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đến 07 giờ 45 phút cùng ngày, khi bị cáo điều khiển xe đi đến đường 351, đoạn thuộc thôn Q, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, bị cáo điều khiển xe bên phải đường theo chiều đường Kiến An - Quán Toan, tốc độ xe đi khoảng 45-50 km/h. Đến đoạn đường vòng cua sang bên phải theo chiều đường bị cáo đang đi thì bị cáo phát hiện phía trước có hai xe mô tô do hai người phụ nữ điều khiển đi song song, bị cáo ra tín hiệu còi đồng thời đánh lái sang bên trái lấn sang phần đường ngược chiều với ý định vượt hai xe mô tô trên. Khi vừa đánh lái sang bên trái thì xe ô tô do bị cáo điều khiển xảy ra va chạm với xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade BKS 15F1-138.31 do anh Trần Quốc T, sinh năm 1982, trú tại thị trấn B, Y, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên điều khiển đi ngược chiều (theo chiều Quán Toan – Kiến An), sau xe chở chị Phan Thị B, sinh năm 1995, trú tại thôn, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Sau va chạm, lốp xe bánh trước bên trái xe ô tô do bị cáo điều khiển bị nổ, bị cáo đạp phanh xe, xe ô tô trượt trên mặt đường một đoạn rồi dừng lại sát lề đường 351 phía bên trái, chiều đường Kiến An – Quán Toan. Khi xe dừng lại, bị cáo xuống xe thì phát hiện anh T nằm ở lề đường bên trái chiều đường Kiến An–Quán Toan, chị B nằm cùng trên lề đường bên trái cách anh T 01m, xe mô tô do anh T điều khiển nằm đồ gần vị trí trái anh T. Sau đó bị cáo gọi xe đưa anh T, chị B đi cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Nơi xảy ra tai nạn là mặt đường 351, đoạn thuộc thôn Q, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Mặt đường trải nhựa áp phan nhẵn phẳng, đường có lòng đường rộng 11m, có hai chiều đường xe chạy là Quán Toan đi Kiến An và ngược lại. Tại bên phải chiều đường Quán Toan đi Kiến An có vỉa hè bằng bê tông rộng 4,3m, 01 biển báo giao “chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái”. Tại bên phải chiều đường Kiến An đi Quán Toan có vỉa hè rộng 4,6m, 01 biển báo “Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải”.

Tại hiện trường xác định:

- (1) Dấu vết trượt xước dài 0,4m, độ rộng nơi rộng nhất là 0,1m không liên tục trên mặt đường. Dấu vết có chiều hướng Kiến An đi Quán Toan chệch từ giữa đường vào mép đường bên phải chiều đường Quán Toan – Kiến An (mép đường

chuẩn). Đầu dấu vết cách mép đường 2,6m, cuối dấu vết cách mép đường chuẩn 2,35m.

- (2) Dấu vết trượt xước dài 0,6m, độ rộng nơi rộng nhất là 0,17m liên tục trên mặt đường. Dấu vết có chiều hướng Kiên An đi Quán Toan chệch từ giữa đường vào mép đường chuẩn. Đầu dấu vết cách mép đường chuẩn 2,75m. Cuối dấu vết cách mép đường chuẩn là 2,45m. Từ điểm đầu dấu vết đo song song với trục đường về phía Kiên An đến điểm vuông góc với điểm đầu dấu vết (1) là 0,35m.

- Xe mô tô BKS 15F1-138.31 đổ nghiêng sang trái trên vỉa hè bên phải chiều đường Quán Toan đi Kiên An và mặt đường. Đầu xe hướng về phía Quán Toan chệch ra giữa đường. Sau xe hướng về phía Kiên An chệch vào vỉa hè. Trục bánh trước xe cách mép đường chuẩn 0,05m, trục sau bánh xe cách mép đường chuẩn 0,85m.

- Xe ô tô BKS 15A-241.53 đổ trên mặt đường và vỉa hè bên phải chiều đường Quán Toan đi Kiên An. Đầu xe hướng về phía Quán Toan chệch vào vỉa hè. Sau xe hướng về phía Kiên An chệch ra giữa đường. Trục bánh trước bên phải xe cách mép đường chuẩn 0,75m. Trục sau bánh xe bên phải xe cách mép đường chuẩn là 01m. Đo từ trục bánh sau bên phải xe ô tô đo song song với trục đường về phía Kiên An đến điểm vuông góc với trục trước bánh xe mô tô là 04m.

Theo kết luận giám định số 26/GĐCH- PC54 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hải Phòng kết luận:

“- Dấu vết rách, bẹp lõm kim loại hình cung tròn theo chiều từ trước về sau, bề mặt trước mất sơn màu tím, bám dính tạp chất màu đen tại phía trên ốp tai xe bên trái xe ô tô BKS 15A - 241.53, phù hợp với dấu vết trượt xước kim loại, mất tạp chất màu đen, bám dính tạp chất màu tím (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau, từ phải sang trái tại tay phanh trái và khóa phanh liền kề phía trên xe mô tô BKS 15F1 – 138.31.

- Dấu vết trượt xước mất sơn màu đen, bẹp lõm kim loại theo chiều từ trước về sau, từ dưới lên trên tại cạnh dưới đầu khung kim loại bên trái phía trước đầu xe ô tô BKS 15A – 241.53 phù hợp với dấu vết trượt xước kim loại, mất sơn màu đen theo chiều từ trước về sau tại mặt ngoài khung kim loại sườn bên trái xe mô tô BKS 15F1 – 138.31.

- Vị trí va chạm trên mặt đường giữa xe ô tô BKS 15A - 241.53 với xe mô tô BKS 15F1 – 138.31 thuộc phần đường chiều Quán Toan – Kiên An”

Theo kết luận giám định số 2657/C54-P2 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Hệ thống phanh, hệ thống lái của xe ô tô BKS 15A – 241.53 tại thời điểm trước và trong khi xảy ra tai nạn còn tác dụng, đảm bảo an toàn kỹ thuật.”

Theo kết luận giám định số 2690/C54(P3) ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Dấu vết trượt xước, thủng rách cao su ở má lốp bánh trước bên phải xe ô tô BKS 15A - 241.53 gửi đến giám định được hình thành do vật cứng có cạnh tạo ra trong khi xảy ra tai nạn.”

Tại Bản kết luận giám định số 171/2018/TgT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Phan Thị B do các thương tích gây nên là 76%.

Tại Bản kết luận giám định số 172/2018/TgT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trần Quốc T do các thương tích gây nên là 63%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng kết luận: Xe ô tô BKS 15A-241.53: Mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sửa chữa thay thế là 25.205.000đồng; xe mô tô BKS 15F1-138.31: Mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sửa chữa thay thế là 13.215.800đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS- AD ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lưu Văn D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lưu Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật, việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội và các thương tích của bị hại do bị cáo gây ra nên bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại theo yêu cầu của những bị hại đã đưa ra tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phân xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn D từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 590, 601 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Buộc bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường cho anh Trần Quốc T số tiền: 249.189.366đồng.

- Buộc bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường cho chị Phan Thị B số tiền: 164.261.995đồng.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn D 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 310161854599, mang tên Lưu Văn D do Sở Giao thông vận tải Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 7 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa, những người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với nội dung biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm phương tiện, phù hợp với các bản kết luận giám định số 26/GĐCH-PC54 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và kết luận giám định số 2657/C54 (P2) ngày 08 tháng 6 năm 2018 và kết luận giám định số 2690/C54 (P3) ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; các bản kết luận giám định số 171,172/2018/TgT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm pháp y thành phố Hải Phòng cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lưu Văn D đã điều khiển xe ô tô BKS 15A-241.53 khi tham gia giao thông trên đường 351 đoạn đường thuộc thôn Q, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã vượt xe sai quy định tại đường vòng và đi không đúng phần đường quy định nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 15F1-138.31 do anh Trần Quốc T điều khiển theo hướng ngược lại, sau xe chở chị Phan Thị B. Hành vi của bị cáo Lưu Văn D đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và điểm c khoản 5 Điều 14 Luật giao thông đường bộ hậu quả làm anh T và chị B bị thương với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 139% và thiệt hại về tài sản.

Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lưu Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về

tham gia giao thông đường bộ ”, tội phạm được quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến sức khỏe và tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do vô ý nên hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử phạt một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Tại bản kết luận giám định số 171, 172/2018/TgT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Phan Thị B do các thương tích gây nên là 76%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trần Quốc T do các thương tích gây nên là 63%. Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của các bị hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra trong vụ tai nạn là 139%. Nên hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về lỗi: Căn cứ vào lời khai bị cáo, bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm các phương tiện, sơ đồ hiện trường cho thấy do bị cáo điều khiển xe ô tô vượt xe tại đoạn đường vòng sai quy định và đi không đúng phần đường quy định hậu quả đã đâm vào xe mô tô BKS 15F1-138.31 do anh Trần Quốc T điều khiển theo hướng ngược lại, sau xe chở chị Phan Thị B gây tai nạn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bị hại trong vụ án không có lỗi mà lỗi hoàn toàn do bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn. Bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, trước khi phạm tội bị cáo đã tham gia quân ngũ nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc cấm hành nghề, hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo và hoàn cảnh gia đình của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

[10] Khi xảy ra tai nạn, hậu quả làm anh Trần Quốc T và chị Phan Thị B bị thương phải đi điều trị thương tích. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Quốc T trình bày anh đã phải đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Việt Đức -

Hà Nội. Toàn bộ chi phí điều trị anh yêu cầu bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường bao gồm những khoản sau:

- Chi phí điều trị tại bệnh viện Việt Đức là 76.219.366đồng.
- Tiền mất thu nhập của bản thân trong thời gian điều trị phục hồi: 200.000đ/ ngày x 360 ngày = 72.000.000đồng.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian điều trị: 200.000đ/ ngày x 180 ngày = 36.000.000đồng.
- Tiền xe đi cấp cứu từ bệnh viện An Dương, thành phố Hải Phòng đến bệnh viện Việt Đức - Hà Nội: 5.400.000đồng.
- Tiền thuê xe ô tô đi tái khám từ Hưng Yên đến bệnh viện Việt Đức, Hà Nội 5 lần là 2.500.000đồng
- Chụp Xquang: 1.000.000đồng.
- Tiền mua thuốc ngoài về điều trị: 4.000.000đồng.
- Chi phí lắp chân giả: 20.000.000đồng.
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 60.000.000đồng.

Tổng cộng là 277.119.366đồng. Ngoài ra anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí sửa xe mô tô BKS 15F1-138.31 của anh bị hỏng do bị cáo gây ra trong vụ tai nạn là 16.070.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh là 293.189.366đồng. Bị cáo đã bồi thường cho anh được 19.000.000đồng nên anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 274.189.366đồng. Đối với số tiền 25.000.000đồng Công ty Cổ phần vận tải biển H đã bồi thường cho anh T, anh T xác định số tiền trên là của Công ty hỗ trợ chi phí điều trị cho anh không phải là khoản tiền của bị cáo bồi thường.

Về thương tích của chị Phan Thị B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị B là anh Nông Văn Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cho chị B số tiền 189.261.995đồng. Trong đó gồm:

- Tiền chi phí điều trị thương tích tại bệnh viện 16.761.995 đồng.
- Tiền thuê xe chuyển viện từ bệnh viện Việt Đức về bệnh viện Yên Bái: 4.500.000đồng.
- Tiền mất thu nhập của bản thân trong thời gian điều trị thương tích: 200.000đ/ ngày x 360 tháng = 72.000.000đồng.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 200.000đ/ ngày x 180 ngày = 36.000.000đồng.
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 60.000.000đồng.

Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho chị B 25.000.000đồng nay anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 164.261.000đồng

Tại phiên tòa, bị cáo có quan điểm chấp nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại các bị hại đã đưa ra tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện sẽ có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho các bị hại sau khi trừ đi số tiền bị cáo và Công ty Cổ phần vận tải biển H đã bồi thường cho các bị hại. Xét quan điểm của bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho các bị hại. Số tiền 25.000.000đồng Công ty Cổ phần vận tải biển H đã giao cho anh Trần Quốc T, tại giai đoạn điều tra Công ty có quan điểm số tiền này là của Công ty hỗ trợ cho anh T. Tuy nhiên, ngày 27 tháng 3 năm 2019 Công ty đã có bản tường trình xác định số tiền trên Công ty hỗ trợ cho bị cáo D để bồi thường cho Trần Quốc T và đề nghị Tòa án công nhận số tiền trên là của bị cáo D đã bồi thường cho anh T. Vì vậy, buộc bị cáo D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Quốc T tính đến ngày xét xử sơ thẩm các khoản chi phí sau:

- + Chi phí điều trị tại bệnh viện Việt Đức là 76.219.366đồng.
- + Tiền mất thu nhập của bản thân trong thời gian điều trị thương tích: 200.000đ/ ngày x 360 ngày = 72.000.000đồng.
- + Tiền mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian điều trị: 200.000đ/ ngày x 180 ngày = 36.000.000đồng.
- + Tiền xe đi cấp cứu từ bệnh viện An Dương, thành phố Hải Phòng đến bệnh viện Việt Đức - Hà Nội: 5.400.000đồng.
- + Tiền thuê xe ô tô đi tái khám từ Hưng Yên đến bệnh viện Việt Đức, Hà Nội 5 lần là 2.500.000đồng.
- + Tiền mua thuốc ngoài về điều trị: 4.000.000đồng.
- + Chụp Xquang: 1.000.000đồng.
- + Chi phí lắp chân giả: 20.000.000đồng.
- + Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 60.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Lưu Văn D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Quốc T là 277.119.366đồng và 16.070.000đồng chi phí sửa chữa xe mô tô BKS 15F1-138.31. Bị cáo đã bồi thường cho anh T được 19.000.000đồng và số tiền 25.000.000đồng Công ty Cổ phần vận tải biển H đã thay mặt bị cáo bồi thường cho anh T. Do vậy, buộc bị cáo Lưu Văn D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Quốc T số tiền còn lại là 249.189.366đồng(277.119.366đồng + 16.070.000đồng - 19.000.000đồng - 25.000.000đồng)

- Đối với bị hại chị Phan Thị B:

- + Tiền chi phí điều trị thương tích tại bệnh viện 16.761.995 đồng.
- + Tiền thuê xe chuyển viện từ bệnh viện Việt Đức về bệnh viện Yên Bái: 4.500.000đồng.
- + Tiền mất thu nhập của bản thân trong thời gian điều trị thương tích: 200.000đ/ ngày x 360 ngày = 72.000.000đồng.

+ Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 200.000đ/ ngày x 180 ngày = 36.000.000đồng.

+ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 60.000.000đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho chị B là 189.261.995đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho chị B 25.000.000đồng nay buộc bị cáo Lưu Văn D phải tiếp tục bồi thường cho chị Phan Thị B số tiền còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 164.261.995đồng (189.261.995đồng - 25.000.000đồng). Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 413.451.361đồng.

Chiếc xe ô tô BKS 15A-241.53 bị cáo điều khiển gây ra tai nạn là của Công ty Cổ phần vận tải biển H. Khi xảy ra tai nạn một phần xe đã bị hỏng. Đại diện Công ty có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa chiếc xe trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 25.000.000đồng Công ty đã bồi thường cho bị hại, Công ty không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên còn cần phải xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã trả chiếc xe ô tô BKS 15A-241.53 cho Công ty Cổ phần vận tải biển H và xe mô tô BKS 15F1-138.31 cho anh Trần Quốc T là chủ sở hữu các tài sản trên quản lý sử dụng nên không còn gì phải xét.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 310161854599, mang tên Lưu Văn D do Sở giao thông vận tải Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 7 năm 2016, Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã thu giữ của Lưu Văn D. Xét giấy phép lái xe trên là của bị cáo nên trả lại cho bị cáo quản lý sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lưu Văn D 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lưu Văn D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 590, 601 Bộ luật Dân sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Lưu Văn D đối với các bị hại anh Trần Quốc T, chị Phan Thị B.

- Buộc bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường cho anh Trần Quốc T số tiền: 249.189.366đồng

- Buộc bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường cho chị Phan Thị B số tiền: 164.261.995đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn D giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 310161854599, mang tên Lưu Văn D do Sở giao thông vận tải Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 7 năm 2016 sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Lưu Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.538.054 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm bị cáo phải nộp là 20.738.054 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương